

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/5/2020

Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ - TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Phước Nghĩa**.
2. Ông **Nguyễn Thành Thái**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Quốc Tững** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh H**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Vàm Rầy, xã Bình S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thuận An, xã Bình S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2020 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Thanh H trình bày:

Anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Bích L tự tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức làm đám cưới vào năm 2013, nhưng không có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới vợ, chồng về nhà cha mẹ bên vợ ngụ tại ấp Thuận An, xã Bình S sinh sống, cuộc sống của vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, nên anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Bích L đã có 02 con chung tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi, nhất là dịp tết năm 2017 khi về bên cha mẹ của anh Trần Thanh H chơi, khi về chị Nguyễn Thị Bích L đã vứt đồ của anh Trần Thanh H ra ngoài sân không cho anh H vào nhà từ đó vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được nên anh Trần Thanh H xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích L.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung cháu tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016, anh Trần Thanh H đồng ý giao hai con cho chị Nguyễn Thị Bích L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Trần Thanh H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh Trần Thanh H không trình bày gì thêm.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L trình bày chị L thống nhất với những gì anh H trình bày là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn là vào dịp tết năm 2017, anh H đi chơi nhưng chị Nguyễn Thị Bích L điện thoại nhiều lần, anh H không chịu bắt máy khi về chị L có vứt đồ anh H ra ngoài sân, sau đó anh H bỏ đi cho đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị L cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016, hiện nay các con đang sống với chị Nguyễn Thị Bích L nên chị L yêu cầu được nuôi các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Bích L yêu cầu anh Trần Thanh H phải cấp dưỡng cho hai con đến khi các con đủ 18 tuổi yêu cầu cấp dưỡng 01 lần với số tiền cấp dưỡng là 50.000.000 đồng và tại phiên Tòa hôm nay phía chị Nguyễn Thị

Bích L đã nhận đủ số tiền cấp dưỡng từ anh Trần Thanh H là 50.000.000 đồng và không còn yêu cầu gì thêm.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị Nguyễn Thị Bích L không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn anh Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích L, giải quyết việc nuôi con chung đây là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Bích L với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Thuận An, xã Bình S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

[2] Về nội dung: Anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Bích L tự tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức làm đám cưới vào năm 2013, nhưng anh H và chị L không có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới anh H, chị L về cha mẹ bên chị L ngụ tại ấp Thuận An, xã Bình S sinh sống, cuộc sống của vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nên anh H và chị L đã có 02 con chung tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 07/02/2015 và Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 04/01/2016. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017 vợ chồng anh H, chị L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi, nhất là dịp tết năm 2017 anh H về bên cha mẹ ruột chơi, khi về chị L đã vức đồ của anh H ra ngoài sân không cho anh H vào nhà. Từ đó, anh H bỏ nhà đi, sống ly thân với chị L cho đến nay.

Do anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Bích L không đăng ký kết hôn, cho nên pháp luật không công nhận anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị Bích L là vợ chồng. Bởi lẽ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện... việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “N

nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận anh H và chị L là vợ chồng là phù hợp với khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2016, anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Bích L thỏa thuận: Anh Trần Thanh H đồng ý giao hai con cho chị Nguyễn Thị Bích L tiếp tục nuôi dưỡng và chị Nguyễn Thị Bích L cũng đồng ý nuôi con, xét thấy các đương sự không có tranh chấp nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Bích L đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Căn cứ vào Nghị Quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Trần Thanh H phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 27, Điều 131, Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Bích L là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hạo N và cháu Nguyễn Thị Bích P, cho chị Nguyễn Thị Bích L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị Bích L đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Anh Trần Thanh H có quyền thăm nom chăm sóc con chung, chị Nguyễn Thị Bích L cũng như những người khác không ai được quyền cấm cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Thanh H, chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu tòa án giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Buộc anh Trần Thanh H phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Trần Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0009393 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Như vậy anh Trần Thanh H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên G;
- VKSND huyện Hòn Đ;
- CCTHADS huyện Hòn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Toàn